

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOW STAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOW STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NOW STAR GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NOW STAR GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110663507

3. Ngày thành lập: 26/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 đường Văn Cao, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968300000

Fax:

Email: Thanhngoc0109@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543

12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hoá)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
20.	Khai thác gỗ	0220
21.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
22.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
23.	Khai thác và thu gom than non	0520
24.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
25.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
26.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
27.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
28.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Quản lý tổng mặt bằng xây dựng công trình - Quản lý công tác thiết kế xây dựng, gia công chế tạo và cung cấp vật tư, thiết bị, chuyển giao công nghệ, đào tạo vận hành - Quản lý hoạt động thi công xây dựng, các kết nối với công việc của các nhà thầu phụ - Điều phối chung về tiến độ thực hiện, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường tại công trường xây dựng - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Kiểm định xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
34.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
37.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
40.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác...	0899
41.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
44.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
45.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
47.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
48.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
49.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
51.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2396
52.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
53.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
54.	Đúc sắt, thép	2431
55.	Đúc kim loại màu (trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
58.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
61.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương)	2599
62.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
65.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
66.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
67.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
68.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
71.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
72.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
73.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
74.	Sản xuất máy luyện kim	2823
75.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
76.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
78.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
82.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
83.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
84.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012(Chính)
85.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kinh doanh kho ngoại quan - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác	5210
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Giao nhận hàng hóa; - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần	5229
89.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
91.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
92.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê tàu biển	7730
93.	Điều hành tua du lịch	7912
94.	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: - Đóng tàu thương mại: tàu chở khách, tàu chở hàng, xà lan, tàu dật...; - Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá;	3011
95.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
96.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

97.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
98.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
99.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
100.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xí mạ điện tại trụ sở)	3315
101.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
102.	Sản xuất điện Chi tiết: - Sản xuất điện từ năng lượng gió - Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3511
103.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
104.	Thu gom rác thải độc hại	3812
105.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
106.	Tái chế phế liệu	3830
107.	Xây dựng nhà để ở	4101
108.	Xây dựng nhà không để ở	4102
109.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Xây dựng công trình điện	4221
112.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
113.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
114.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
115.	Xây dựng công trình thủy	4291
116.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
117.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
118.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
119.	Phá dỡ	4311

120.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
121.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
122.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
123.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
124.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
125.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
126.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH HỒNG QUÝ	Số 57 Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	0420830006 62	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000		

2	NGUYỄN VĂN QUANG	Thôn Xưa, Xã Yên Minh, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	036067000814
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000	
3	HOÀNG THỊ NGỌC	P1623, Toà C2 D'Capitale số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.400.000	54.000.000.000	90,000	019186000541
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.400.000	54.000.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 01/09/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019186000541

Ngày cấp: 10/10/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Vân Lũng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: P1623, Toà C2 D'Capitale số 119 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội